

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Khang, xã Ninh Khang, huyện Vĩnh Lộc của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Theo Nghị quyết số 140/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Lộc về chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Khang, xã Ninh Khang, huyện Vĩnh Lộc;

Xét Văn bản số 4648/STNMT-BVMT ngày 29/5/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Xây dựng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Khang, xã Ninh Khang, huyện Vĩnh Lộc của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 767/Tr-STNMT ngày 06/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Khang (sau đây gọi là Dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Ninh Khang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh

Thanh Hoá với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Khang của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc thực hiện tại xã Ninh Khang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng trường Mầm non Lũng Cao, huyện Bá Thước của UBND huyện Bá Thước thực hiện tại xã Lũng Cao, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Ninh Khang (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
dự án Xây dựng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Khang, xã
Ninh Khang, huyện Vĩnh Lộc của Ban quản lý dự án đầu tư
xây dựng huyện Vĩnh Lộc

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- **Tên dự án:** Xây dựng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Khang, xã Ninh Khang, huyện Vĩnh Lộc.
- Địa điểm thực hiện: xã Ninh Khang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.
- Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc.
- + Người đại diện: Ông Trịnh Tuấn Vũ; Chức vụ: Phó Giám đốc
- + Địa chỉ liên hệ: Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, Tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Dự án được thực hiện trên khu đất thuộc địa giới hành chính xã Ninh Khang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa có tổng diện tích là 7.100 m².
- Quy mô: Phục vụ nhu cầu dạy và học cho tối đa 300 học sinh tiểu học và 240 học sinh trung học với 40 giáo viên, cán bộ nhà trường.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình: Mở rộng, cải tạo khuôn viên sân trường; Xây mới nhà lớp học 2 tầng 12 phòng (diện tích 792 m²); Xây mới khu để xe học sinh và giáo viên (diện tích 47,3 m²); Xây mới nhà vệ sinh học sinh (diện tích 120 m²); Cải tạo nhà hiệu bộ và phòng chức năng (diện tích 194,3 m²); Cải tạo nhà đa năng (diện tích 358,8 m²); Cải tạo nhà chức năng (diện tích 106,8 m²); Cải tạo nhà thể chất (diện tích 162 m²); Cải tạo nhà bảo vệ (diện tích 18,5 m²); Phá dỡ một số công trình cũ và xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ khác (bao gồm: xây mới sân bê tông 2.368 m²; cải tạo vườn, cây xanh cảnh quan 871 m²; xây mới rãnh thoát nước; lắp đặt hệ thống gom nước mưa, nước thải PVC D100)
- Hoạt động của dự án: Hoạt động dạy học và sinh hoạt của giáo viên và học sinh trong trường.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường.

Dự án cần chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho 2.143 m² đất sản xuất nông nghiệp (đất trồng lúa 2 vụ LUC).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường.

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát quang thực vật, phá dỡ hiện trạng, san lấp mặt bằng, vận chuyển nguyên vật liệu, tập kết nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sinh hoạt của giáo viên và học sinh trong nhà trường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng $1,62 \text{ m}^3/\text{ngày}$, trong đó: Nước thải từ quá trình tắm, giặt, vệ sinh tay chân $0,96 \text{ m}^3/\text{ngày}$; Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) $0,636 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Nước thải hoạt động ăn uống: $0,024 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần bao gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng $3 \text{ m}^3/\text{ngày}$, trong đó: Nước thải từ quá trình rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển $2 \text{ m}^3/\text{ngày}$; Nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ, thiết bị thi công $1 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn lưu lượng $54,14 \text{ lít/s}$. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải trong quá trình phá dỡ hiện trạng, phát quang thực vật, đào đắp, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, trút đổ nguyên vật liệu, thi công xây dựng,... Thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO_2 , NO_x , CO ,...

3.1.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng $15,8 \text{ kg/ngày}$. Trong đó: Chất thải khó phân hủy $3,16 \text{ kg/ngày}$; Chất thải dễ phân hủy $12,64 \text{ kg/ngày}$. Thành phần chủ yếu là: thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- *Chất thải rắn xây dựng*:

+ CTR trong quá trình giải phóng mặt bằng gồm lúa nước, cây bụi, cây cỏ dại, hoa màu...: $1,61 \text{ tấn}$.

+ CTR từ quá trình phá dỡ các công trình hiện trạng: $233,593 \text{ tấn}$.

+ Đất nạo vét hữu cơ, bùn bề mặt...: $2.302,59 \text{ m}^3$.

+ CTR rơi vãi bao gồm đất, đá, cát,...: $2,56 \text{ tấn}$.

+ CTR trong quá trình thi công gồm gạch vỡ, bìa carton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng, ống nhựa vỡ,...: $0,55 \text{ tấn}$.

3.1.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại: Phát sinh khoảng 40 kg/toàn bộ quá trình thi công. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy thải,...

- Chất thải lỏng nguy hại: phát sinh khoảng 40 lít/toàn bộ quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là dầu nhớt thải.

3.1.5. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình phá dỡ, quá trình vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu; thi công thực hiện dự án,...và các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, an toàn lao động,...

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải từ hoạt động của giáo viên và học sinh có lưu lượng khoảng 8,9 m³/ngày.đêm. Trong đó: Nước thải rửa tay chân 3,56 m³/ngày.đêm; Nước thải vệ sinh 5,34 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform, dầu mỡ...

- Lưu lượng nước mưa chảy tràn khoảng 69,98 lít/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Nguồn phát sinh bụi, khí thải từ phương tiện giao thông, hệ thống thu gom, xử lý nước thải,...thông số ô nhiễm đặc trưng của khí thải gồm: Bụi, CO, NO₂, CO₂, SO₂,...

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt thông thường: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của giáo viên và học sinh nhà trường có khối lượng là 290 kg/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn sinh hoạt sân, đường, vườn trường: Phát sinh khối lượng khoảng 29 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là lá cây, cành cây, nilon, vỏ nhựa,...

3.2.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ dự án có khối lượng khoảng 23,4 kg/năm. Thành phần bao gồm: Pin, bóng đèn neon, ắc quy....

3.2.5. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông, hoạt động vui chơi trong khuôn viên trường,...và các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, ngộ độc thực phẩm,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Giai đoạn xây dựng:

4.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Đối với nước thải rửa tay chân (lưu lượng 0,96 m³/ngày.đêm): Thu gom và xử lý bằng 01 hố lắng tạm thể tích 2,0 m³ (kích thước 2mx1mx1m) bố trí gần lán trại thi công. Nước thải sau khi xử lý thải ra mương thoát nước của khu vực (phía Tây khu đất dự án).

- Đối với nước thải nhà vệ sinh (lưu lượng 0,636 m³/ngày.đêm): Thuê 02 nhà vệ sinh di động (Dung tích: Bồn nước là 1.050 lít và bồn phân là 500 lít) để

thu gom nước thải vệ sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, đưa đi xử lý định kỳ, với tần suất 02 ngày/lần.

- Đối với nước thải từ ăn uống (lưu lượng $0,024 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$): Thu gom và xử lý sơ bộ bằng 01 hố tách dầu mỡ $0,125 \text{ m}^3$ (kích thước $0,5 \times 0,5 \times 0,5 \text{ m}$), sau đó tự chảy về hố lắng tạm 2 m^2 (cùng với nước thải tắm rửa, giặt giũ). Phần váng dầu mỡ được đưa đi xử lý cùng với chất thải nhà vệ sinh. Nước thải sau khi xử lý thải ra mương thoát nước của khu vực. Lớp cát lót đáy hố nạo vét hàng tuần đưa đi xử lý cùng với rác thải sinh hoạt.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

- Nước thải rửa xe (lưu lượng $2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$): Thu gom và xử lý bằng hố lắng tạm $3,0 \text{ m}^3$ (kích thước $2 \times 1,5 \times 1 \text{ m}$). Sau đó thải ra mương thoát nước của khu vực (phía Tây khu đất dự án).

- Nước thải rửa dụng cụ thi công (lưu lượng $1 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$): Thu gom và xử lý bằng hố lắng tạm $3,0 \text{ m}^3$ (kích thước $2 \times 1,5 \times 1 \text{ m}$, cùng với nước thải rửa xe). Sau đó thải ra mương thoát nước của khu vực (phía Tây khu đất dự án).

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn:

Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm để thoát nước mưa, khoảng cách giữa các hố gas $50 \text{ m}/\text{hố gas}$. Rãnh thoát nước mưa là các rãnh đào tạm thời kích thước sâu x rộng = $0,5 \times 1,0 \text{ (m)}$; các hố gas tạm có kích thước $d \times r \times c = 0,8 \times 0,8 \times 0,8 \text{ (m)}$. Hướng thoát nước chính là thoát ra mương thoát nước chung của khu vực (phía Tây Nam khu đất dự án).

4.1.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải:

- Trang bị bảo hộ lao động (như quần áo, giày, mũ, khẩu trang,...) cho công nhân khi tham gia thi công dự án với số lượng 02 bộ/người.

- Thực hiện phát quang đến đâu, vận chuyển đưa đi đổ thải đến đó.

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hoá tới mức tối đa, các máy móc thi công hiện đại và hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao.

- Xây dựng hệ thống tường rào tôn bao quanh khu vực dự án để hạn chế bụi và tiếng ồn ảnh hưởng đến khu vực nhà dân gần dự án. Chiều dài 2.500 m , cao 2 m .

- Thực hiện phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án bằng xe phun tưới nước có dung tích $5,0 \text{ m}^3$. Tần suất phun tưới nước 02 lần/ngày (đầu buổi sáng và buổi chiều), tần suất phun tưới nước có thể tăng lên 04 lần/ngày nếu thấy bụi xuất hiện nhiều trên công trường thi công.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu chạy đúng tốc độ quy định, chở đúng trọng tải quy định của xe, thùng xe đóng kín và có che phủ bạt, rửa lốp bánh xe khi ra vào công trường, điều tiết mật độ xe phù hợp.

- Bố trí công nhân quét dọn vệ sinh khu vực công trường, tuyến đường ra vào dự án khi thấy có đất cát vương vãi.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: Chất thải rắn sinh hoạt có thể tái chế và chất thải rắn sinh hoạt không tái chế được thu gom riêng để đưa đi xử lý.

- Chất thải rắn sinh hoạt không tái chế thu gom riêng vào các thùng 30 lít (01 thùng) và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển với tần suất 01 lần/ngày.

- Chất thải rắn sinh hoạt có thể tái chế thu gom riêng vào thùng nhựa composite 30 lít (01 thùng) đặt tại khu vực lán trại công nhân và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Đối với CTR trong quá trình giải phóng mặt bằng gồm lúa nước, cây bụi, cây cỏ dại, hoa màu,... có khối lượng khoảng 1,61 tấn: Người dân thu hoạch trước khi thi công.

- Đối với đất bóc hữu cơ khối lượng 2.302,59 m³, thành phần chủ yếu là nước (chiếm tới 50%) sau khi nạo vét tập kết thành từng khu vực cao 1-1,5m để ráo (tách) nước tự nhiên, khối lượng bùn sau tách nước giảm khoảng 30%, nên lượng bùn vét thực tế sau tách nước khoảng 690,78 m³ tận dụng đắp vào khu vực san nền trồng cây xanh.

- Đối với vật liệu rơi vãi bao gồm đất, đá, cát,...có khối lượng khoảng 2,56 tấn và CTR từ quá trình phá dỡ các công trình hiện trạng khối lượng 233,593 tấn: thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Đối với CTR trong quá trình thi công bao gồm bìa catton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng, ống nhựa vỡ,... khối lượng 0,55 tấn: thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị 04 thùng chuyên dụng 250 lít/thùng để thu gom (trong đó 02 thùng đựng CTNH dạng lỏng, 02 thùng đựng CTNH dạng rắn). Các thùng chứa chất thải nguy hại đều có nắp đậy kín, bên ngoài thùng có biểu tượng cảnh báo nguy hại, có dán nhãn mác và được đặt trong góc nhà kho diện tích khoảng 10m². Kết thúc quá trình thi công xây dựng, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại.

4.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

- Không vận hành các phương tiện có mức ồn lớn cùng lúc, bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công; trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị chống ồn cho công nhân thi công.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn khi không cần thiết để giảm tới mức thấp nhất.

- Máy móc, thiết bị thi công đưa vào sử dụng phải được kiểm định chất lượng đảm bảo đạt an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi hoạt động tại công trường không quá 5,0 km/h.

- Hạn chế các xe tải trọng lớn và các thiết bị gây ồn, rung lớn hoạt động vào ban đêm (từ 18h - 6h) và giờ nghỉ ngơi của người dân (từ 11h30 đến 1h30).

4.2. Giai đoạn vận hành

Sau khi xây dựng xong, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc bàn giao lại cho Ban giám hiệu nhà trường quản lý, vận hành trực tiếp dự án, thực hiện bảo hành công trình theo quy định, bao gồm cả công trình bảo vệ môi trường của dự án.

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn:

** Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc:*

Xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom nước mưa như sau:

- Nước mưa trên mái → Ống nhựa PVC D90 → Rãnh thoát nước mưa xung quanh công trình (rãnh xây gạch, kích thước 300x400mm) → Mương thoát nước chung (phía Tây dự án).

- Nước mưa bề mặt → Rãnh thoát nước mưa xung quanh công trình (rãnh xây gạch, kích thước 300x400mm) → Mương thoát nước chung (phía Tây dự án).

** Trách nhiệm của Ban giám hiệu nhà trường:*

Hợp đồng với đơn vị chức năng nạo vét định kỳ các hố ga để loại bỏ rác, cặn lắng, bùn thải, vận chuyển xử lý đúng quy định.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:

** Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc:*

Xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải như sau:

- Đối với nước thải rửa tay chân (lưu lượng 5,34 m³/ngày.đêm): Thu gom qua song chắn rác về hố ga được bố trí tại mỗi công trình để xử lý sơ bộ, sau đó được thu gom bằng ống PVC D110 dẫn về thiết bị xử lý tại chỗ (bể Bastafat - F) để tiếp tục xử lý, sau đó chảy ra mương thoát nước chung khu vực (phía Tây dự án).

- Đối với nước thải vệ sinh: thu gom xử lý tại bể tự hoại 03 ngăn (số lượng 05 bể, tổng thể tích 82 m³), theo ống PVC D110 dẫn về thiết bị xử lý tại chỗ (bể Bastafat – F) để tiếp tục xử lý, sau đó chảy ra mương thoát nước chung khu vực (phía Tây dự án).

Thiết bị xử lý nước thải tại chỗ bằng vật liệu composite của dự án có công suất 10m³/ngày.đêm. Công nghệ như sau:

Nước thải → Bể lắng + điều hòa/phân hủy bùn → Bể lọc kỵ khí → Bơm → Bể lọc hiếu khí → Bể lắng/khử trùng.

- Nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

** Trách nhiệm của Ban giám hiệu nhà trường:*

Thuê đơn vị có chức năng kiểm tra, nạo vét định kỳ hệ thống đường ống dẫn nước thải, kịp thời phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế, bổ sung.

4.2.2. Các biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

Trách nhiệm của Ban giám hiệu nhà trường:

- Trồng cây xanh tại khu vực sân vườn nhằm điều hòa vi khí hậu trong gia đình cũng như tạo cảnh quan môi trường.

- Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu sân đường nội bộ trong phạm vi của dự án.

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước thải, sử dụng thêm các chế phẩm vi sinh để hạn chế phát sinh mùi hôi.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Ban giám hiệu nhà trường có trách nhiệm:

- Yêu cầu cán bộ giáo viên nhà trường, học sinh không vứt rác bừa bãi, thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, mỗi loại bỏ vào các thùng có màu sắc khác nhau.

- Trang bị 40 thùng đựng rác dung tích 15 lít/thùng bố trí tại mỗi phòng của nhà lớp học 2 tầng, nhà hiệu bộ và phòng chức năng, nhà đa năng, nhà chức năng và nhà thể chất, 04 thùng rác loại 60 lít/thùng tại khuôn viên trường học. Các thùng rác được chia thành 2 loại khác nhau (màu xanh và màu vàng); màu xanh đựng rác thải dễ phân hủy, màu vàng đựng rác thải khó phân hủy.

- Trang bị 02 thùng dung tích 240 lít/thùng tại điểm tập kết rác để thu gom rác thải tập trung.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hàng ngày vận chuyển đi xử lý.

4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại:

Ban giám hiệu nhà trường có trách nhiệm:

- Trang bị 04 thùng chứa các loại CTNH khác nhau về đặc tính có dung tích 60 lít, được dán nhãn cụ thể cho từng loại đặc tính (bao gồm 4 đặc cơ bản: Bóng đèn huỳnh quang, pin; Giẻ lau dính dầu, sơn; Các loại dầu mỡ thải; Mực in) đặt tại Nhà kho của Nhà đa năng (diện tích 31,5m²).

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định, tần suất 1 lần/năm.

Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Công trình bảo vệ môi trường	Đơn vị tính	Số lượng
1	Công trình thoát nước, xử lý nước thải		
-	05 Bể tự hoại tổng thể tích 82 m ³	Bể	05

-	Thiết bị xử lý tại chỗ (bể Bastafat – F) công suất 10m ³ /ngày.đêm	TB	01
2	Công trình xử lý khí thải		
-	Ống thoát khí của bể tự hoại	Ống	05
3	Công trình/thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải rắn		
-	Thùng dung tích 15 lít/thùng đựng rác thải sinh hoạt	Thùng	40
-	Thùng dung tích 60 lít/thùng đựng rác thải sinh hoạt	Thùng	04
-	Thùng dung tích 240 lít/thùng đựng rác thải sinh hoạt	Thùng	2
-	Thùng dung tích 60 lít/thùng đựng chất thải nguy hại	Thùng	4

5. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.